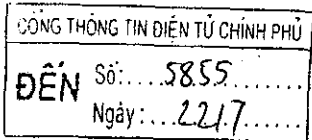


Số: 05/2013/NQ-HĐND

Trà Vinh, ngày 11 tháng 7 năm 2013

NGHỊ QUYẾT

Phê chuẩn mức thu, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH
KHÓA VIII - KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 25/2013/NĐ-CP ngày 29/3/2013 của Chính phủ về phía bảo vệ môi trường đối với nước thải;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 63/2013/TTLT-BTC-BTNMT ngày 15/5/2013 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện Nghị định số 25/2013/NĐ-CP ngày 29/3/2013 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

Xét Tờ trình số 2323/TTr-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê chuẩn mức thu, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; trên cơ sở thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn mức thu, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh như sau:

1. Phạm vi áp dụng

Trên địa bàn các phường, xã, thị trấn thuộc các huyện, thành phố trong tỉnh Trà Vinh.

2. Đối tượng nộp phí

a) Hộ gia đình; cơ quan nhà nước; đơn vị vũ trang nhân dân (trừ các cơ sở sản xuất, cơ sở chế biến thuộc các đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân); trụ sở điều hành, chi nhánh, văn phòng của các tổ chức, cá nhân không gắn liền với địa điểm sản xuất chế biến; các cơ sở rửa xe ô tô, xe máy, sửa chữa ô tô, sửa chữa xe máy; bệnh viện, phòng khám chữa bệnh; nhà hàng, khách sạn; cơ sở đào tạo, nghiên cứu; cơ sở kinh doanh, dịch vụ khác.

b) Các tổ chức, hộ gia đình, kinh doanh, dịch vụ tự khai thác nước để sử dụng ở những nơi có hệ thống cung cấp nước sạch.

3. Đối tượng không phải nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt

- Nước tuần hoàn trong các cơ sở sản xuất, chế biến mà không thải ra môi trường.
- Nước thải sinh hoạt của hộ gia đình ở các xã thuộc vùng nông thôn và những nơi chưa có hệ thống cấp nước sạch.
- Nước thải sinh hoạt của hộ gia đình ở địa bàn đang được Nhà nước thực hiện chế độ bù giá để có giá nước phù hợp với đời sống kinh tế - xã hội.
- Nước làm mát thiết bị, máy móc không trực tiếp tiếp xúc với các chất gây ô nhiễm, có đường thoát riêng.
- Nước biển dùng cho sản xuất muối xả ra.
- Nước mưa tự nhiên chảy tràn.

4. Mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt

- Mức thu 6% trên giá bán của 1 m³ (một mét khối) nước sạch chưa có thuế giá trị gia tăng đối với trường hợp được cung cấp nước sạch.
- Đối với nước thải sinh hoạt thải ra từ các tổ chức, hộ gia đình tự khai thác nước để sử dụng (trừ hộ gia đình ở những nơi chưa có hệ thống cung cấp nước sạch) thì mức thu được xác định theo từng người sử dụng nước, căn cứ vào số lượng nước sử dụng bình quân của một người trong xã, phường, nơi khai thác và giá bán 1 m³ (một mét khối) nước sạch trung bình tại xã, phường.

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh quy định mức thu cụ thể.

5. Đơn vị thu phí

- Đơn vị cung cấp nước sạch tổ chức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt do đơn vị cung cấp.
- Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác định và thu phí đối với tổ chức, hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tự khai thác nước để sử dụng thuộc đối tượng phải nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn.

6. Quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt

Đơn vị thu phí (đối với đơn vị cấp nước) được trích để lại 7%, xã, phường, thị trấn được trích để lại 10% trên số phí thu được để trang trải chi phí cho việc thu phí; phần còn lại nộp vào ngân sách nhà nước để sử dụng cho công tác bảo vệ môi trường; bổ sung vốn hoạt động cho Quỹ bảo vệ môi trường của địa phương để sử dụng cho việc phòng ngừa, hạn chế, kiểm soát ô nhiễm môi trường do nước thải; tổ chức thực hiện các giải pháp, phương án công nghệ, kỹ thuật xử lý nước thải.

Việc chi trả, thanh toán các khoản chi từ phần phí bảo vệ môi trường đối với nước thải nộp vào ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

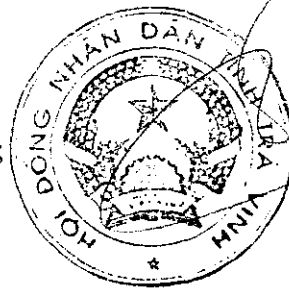
Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 22/7/2013; bãi bỏ Nghị quyết số 62/2004/NQ-HĐND ngày 27 tháng 02 năm 2004 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh khóa VI - kỳ họp thứ 11 về việc phê chuẩn mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt.

Điều 3. Giao UBND tỉnh triển khai tổ chức thực hiện; Ban Kinh tế - Ngân sách và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh khóa VIII - kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 11 tháng 7 năm 2013./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- Các Bộ: Tư pháp, Tài chính;
- TT.TU, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: TP, TC, Cục thuế, Cục thống kê tỉnh;
- TT.HĐND, UBND huyện, thành phố;
- BLD Văn phòng: HĐND, UBND tỉnh;
- Báo Trà Vinh, Đài PT-TH tỉnh;
- Trung tâm TH-CB tỉnh;
- Website Chính phủ;
- Lưu: VT, Phòng công tác HĐND.



CHỦ TỊCH *vu*

Dương Hoàng Nghĩa